

**BẢNG ĐIỂM KỶ THI  
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT NÂNG CAO**

Ngày Thi: 19/4/2026

| STT | SBD      | Họ và Tên         |        | Ngày Sinh  | Nơi Sinh              | Điểm TN | Điểm thực hành |         |          |      | Kết quả   | Ghi chú              |
|-----|----------|-------------------|--------|------------|-----------------------|---------|----------------|---------|----------|------|-----------|----------------------|
|     |          |                   |        |            |                       |         | PPT NC         | Word NC | Excel NC | TB   |           |                      |
| 1   | BKNC5938 | Nguyễn Hoàng      | Đức    | 20/11/2003 | Lâm Đồng              | 7,0     | 7,5            | 5,5     | 0,0      | 4,33 | Không đạt | Không Excel          |
| 2   | BKNC5939 | Tô Thị Mỹ         | Duyên  | 04/10/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | 6,67    | 7,5            | 7,0     | 3,0      | 5,83 | Không đạt |                      |
| 3   | BKNC5940 | Lê Thị Hồng       | Gấm    | 27/02/2005 | Thành phố Hồ Chí Minh | 8,67    | 7,5            | 0,0     | 9,0      | 5,5  | Không đạt | Không Word           |
| 4   | BKNC5941 | Đỗ Thanh Thu      | Hằng   | 22/08/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9,67    | 9,0            | 7,0     | 3,0      | 6,33 | Không đạt |                      |
| 5   | BKNC5942 | Nguyễn Võ Bích    | Hằng   | 22/04/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | 8,33    | 9,5            | 9,0     | 8,0      | 8,83 | Đạt       |                      |
| 6   | BKNC5943 | Nguyễn Chính Huy  | Hoàng  | 11/01/2002 | Thành phố Hồ Chí Minh | 7,67    | 9,0            | 9,0     | 8,0      | 8,67 | Đạt       |                      |
| 7   | BKNC5944 | Vũ Lê Minh        | Hồng   | 17/10/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | 7,0     | 7,5            | 8,5     | 9,0      | 8,33 | Đạt       |                      |
| 8   | BKNC5945 | Đặng Trần Quốc    | Huy    | 29/10/2004 | Bình Thuận            | 7,33    | 7,5            | 9,0     | 7,0      | 7,83 | Đạt       |                      |
| 9   | BKNC5946 | Nguyễn Thị Ngọc   | Linh   | 20/05/2004 | Khánh Hoà             | 9,67    | 9,0            | 9,0     | 7,0      | 8,33 | Đạt       |                      |
| 10  | BKNC5947 | Nguyễn Thị Phương | Linh   | 15/03/2004 | Quảng Trị             | 9,33    | 8,0            | 9,0     | 8,0      | 8,33 | Đạt       |                      |
| 11  | BKNC5948 | Nguyễn Thị Thúy   | My     | 11/09/2006 | Lâm Đồng              | 8,0     | 9,0            | 9,5     | 10,0     | 9,5  | Đạt       |                      |
| 12  | BKNC5949 | Trần Ngọc         | Ngà    | 03/11/2004 | An Giang              | 9,67    | 9,5            | 9,5     | 9,0      | 9,33 | Đạt       |                      |
| 13  | BKNC5950 | Nguyễn Kim        | Ngân   | 17/08/2006 | Tây Ninh              | 8,67    | 9,0            | 8,5     | 9,0      | 8,83 | Đạt       |                      |
| 14  | BKNC5951 | Nguyễn Ngọc Bảo   | Ngân   | 01/02/2004 | Lâm Đồng              | 7,67    | 9,5            | 8,0     | 8,0      | 8,5  | Đạt       |                      |
| 15  | BKNC5952 | Đặng Ngọc         | Ngoan  | 29/07/2006 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9,33    | 9,0            | 8,5     | 8,5      | 8,67 | Đạt       |                      |
| 16  | BKNC5953 | Mai Thị Như       | Ngọc   | 10/01/2004 | Lâm Đồng              | 10,0    | 9,0            | 9,0     | 8,5      | 8,83 | Đạt       |                      |
| 17  | BKNC5954 | Lê Trần Thanh     | Nhã    | 01/05/2004 | Gia Lai               | 7,33    | 7,5            | 8,0     | 6,0      | 7,17 | Đạt       |                      |
| 18  | BKNC5955 | Bùi Nguyễn        | Nhi    | 10/09/2004 | Lâm Đồng              | 7,33    | 7,5            | 7,5     | 6,0      | 7,0  | Đạt       |                      |
| 19  | BKNC5956 | Nguyễn Thị Vân    | Nhi    | 11/09/2004 | Gia Lai               | 7,0     | 9,5            | 9,0     | 0,0      | 6,17 | Không đạt | Excel không nội dung |
| 20  | BKNC5957 | Phạm Huỳnh Yến    | Nhi    | 31/07/2004 | Đắk Lắk               |         |                |         |          |      |           | Vắng                 |
| 21  | BKNC5958 | Phạm Nguyễn Yến   | Oanh   | 17/12/2002 | Tiền Giang            | 7,0     | 6,5            | 6,0     | 7,0      | 6,5  | Đạt       |                      |
| 22  | BKNC5959 | Cao Minh          | Phi    | 05/10/2004 | Khánh Hòa             | 9,67    | 7,0            | 9,0     | 8,0      | 8,0  | Đạt       |                      |
| 23  | BKNC5960 | Trần Bằng         | Phi    | 10/07/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | 8,67    | 7,5            | 8,0     | 7,0      | 7,5  | Đạt       |                      |
| 24  | BKNC5961 | Trần Thị Nam      | Phương | 29/09/2004 | Đồng Nai              | 7,33    | 7,5            | 8,0     | 5,0      | 6,83 | Đạt       |                      |
| 25  | BKNC5962 | Lưu Nhật          | Thành  | 31/10/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | 6,33    | 7,5            | 8,5     | 5,0      | 7,0  | Đạt       |                      |
| 26  | BKNC5963 | Lê Thanh          | Thảo   | 12/10/2005 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9,0     | 7,5            | 9,0     | 2,0      | 6,17 | Không đạt |                      |
| 27  | BKNC5964 | Nguyễn Thị Kim    | Thoa   | 17/06/2004 | Tây Ninh              | 7,33    | 7,5            | 6,0     | 6,0      | 6,5  | Đạt       |                      |
| 28  | BKNC5965 | Nguyễn Minh       | Thư    | 05/04/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | 8,67    | 9,0            | 9,0     | 9,0      | 9,0  | Đạt       |                      |
| 29  | BKNC5966 | Ngô Nguyễn Ngọc   | Thúy   | 17/04/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9,0     | 8,5            | 8,5     | 7,5      | 8,17 | Đạt       |                      |
| 30  | BKNC5967 | Vô Văn            | Toàn   | 24/02/1990 | Quảng Ngãi            | 5,0     | 8,0            | 7,0     | 6,0      | 7,0  | Đạt       |                      |
| 31  | BKNC5968 | Nguyễn Ngọc       | Trang  | 05/05/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | 8,67    | 7,5            | 8,5     | 5,0      | 7,0  | Đạt       |                      |
| 32  | BKNC5969 | Nguyễn Ngọc Thanh | Trang  | 12/06/2006 | Thành phố Hồ Chí Minh | 10,0    | 7,5            | 7,0     | 7,5      | 7,33 | Đạt       |                      |

| STT | SBD      | Họ và Tên      |       | Ngày Sinh  | Nơi Sinh              | Điểm TN | Điểm thực hành |         |          |      | Kết quả   | Ghi chú |
|-----|----------|----------------|-------|------------|-----------------------|---------|----------------|---------|----------|------|-----------|---------|
|     |          |                |       |            |                       |         | PPT NC         | Word NC | Excel NC | TB   |           |         |
| 33  | BKNC5970 | Trần Thị Kiều  | Trang | 15/08/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | 8,33    | 9,0            | 8,5     | 10,0     | 9,17 | Đạt       |         |
| 34  | BKNC5971 | Trần Thị Thùy  | Trang | 12/04/2004 | Đồng Nai              | 9,75    | 7,0            | 5,0     | 5,0      | 5,67 | Đạt       |         |
| 35  | BKNC5972 | Lê Nguyễn Mỹ   | Uyên  | 30/05/2004 | Đồng Nai              | 5,33    | 8,0            | 8,5     | 1,0      | 5,83 | Không đạt |         |
| 36  | BKNC5973 | Nguyễn Văn     | Vinh  | 05/07/2004 | Hung Yên              | 6,33    | 9,5            | 9,0     | 5,0      | 7,83 | Đạt       |         |
| 37  | BKNC5974 | Dương Thị Hồng | Xuân  | 21/01/2006 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9,33    | 9,5            | 9,0     | 6,0      | 8,17 | Đạt       |         |
|     |          |                |       |            |                       |         |                |         |          |      |           |         |

*Ghi chú:* Kết quả Đạt: Điểm trắc nghiệm (Điểm TN)  $\geq 5$  và Điểm thực hành 3 mô đun  $\geq 5$

Số lượng thí sinh: 37

Số thí sinh đạt: 29

Số lượng hiện diện: 36

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam